

VĂN HÓA & NGHỆ THUẬT



Bức chân dung tự họa của Sir Anthony van Dyck, khoảng năm 1640. Tranh sơn dầu trên vải canvas. Phòng trưng bày Nghệ thuật Quốc gia, London.

PUBLIC DOMAIN

NGHỆ THUẬT

Danh họa Anthony van Dyck

Hành trình trở thành một bậc thầy

Cách vẽ tranh về tôn giáo ảnh hưởng đến nghệ thuật vẽ tranh chân dung

James Baresel

Đôi với những người yêu thích nghệ thuật và lịch sử, tên tuổi của danh họa Anthony van Dyck và Vua Charles Đệ Nhất của hoàng gia Anh là không thể tách rời nhau. Có rất ít nghệ sĩ tạo được ảnh hưởng mang tính lịch sử đến hình ảnh phổ biến của một thời kỳ đặc thù như họa sĩ van Dyck. Hiển nhiên là mối quan hệ giữa nhà vua và nghệ sĩ chỉ là một

phần nhỏ trong câu chuyện của van Dyck, nhưng người ta lại hay bỏ qua sự nghiệp phong phú và ý nghĩa nghệ thuật rộng lớn hơn của ông.

Gần 24 năm cách biệt kể từ khi ông van Dyck được nhận vào Hiệp hội Saint Luke ở thành phố Antwerp (Antwerp's Guild of Saint Luke) vào năm 1618 với tư cách là một “bậc thầy tự do” (nghệ sĩ có quyền hợp pháp vận hành xưởng vẽ riêng) cho đến lúc ông qua đời sớm vào năm 42 tuổi. Phần lớn thập niên cuối cùng của cuộc đời ông sống ở Anh quốc. Trước năm 1632, ông đã thăm đất nước này một mình trong bốn tháng. Trong những năm sau đó, ông đã trở thành một trong những họa sĩ vẽ tranh tôn giáo vĩ đại nhất thời bấy giờ, và là họa sĩ vẽ chân dung hàng đầu vào thời điểm ông làm việc

ở Hà Lan và Ý.

Sự tập trung vào các chủ đề tôn giáo của ông van Dyck thuở ban đầu có lẽ là một khía cạnh bị lãng quên nhất trong sự nghiệp của ông. Ngày nay, những tác phẩm thời đầu nổi tiếng nhất của ông là những bức họa dự báo về chuyên môn của ông sau này: vẽ chân dung. Khi ông van Dyck bắt đầu sự nghiệp của mình, họa sĩ nổi tiếng duy nhất chuyên vẽ chân dung là Hans Holbein ‘Con’. Với tư cách là một họa sĩ trẻ, ông van Dyck được kỳ vọng sẽ tuân theo những tiền lệ phổ biến, chú trọng đến các chủ đề tôn giáo, lịch sử, thần thoại và ngụ ngôn.

Xây dựng năng lực hội họa

Tranh vẽ tôn giáo thời kỳ đầu của van Dyck chặt chẽ noi theo các tác phẩm của danh họa Hendrick van Balen the Elder (người mà ông đã từng theo học việc) và danh họa Peter Paul Rubens (người mà ông đã từng làm trợ lý chính trong khoảng thời gian ngắn). Vì thế, những bức tranh thời kỳ đầu của ông, chẳng hạn như tác phẩm “The Crowning With Thorns” (Vương miện gai), không có nét độc đáo giống như trong những tác phẩm sau này.

Xem tiếp trang 3



"Hiệp ước của ngài Penn với người Mỹ bản địa", năm 1771–1772, tranh của họa sĩ Benjamin West.

Pennsylvania – tiểu bang được thành lập trên nền tảng công bằng, hữu nghị, và tự do

Trevor Phipps

Ông William Penn đã trở nên nổi tiếng vì đã thành lập tỉnh Pennsylvania theo phong cách Anh quốc [tại Mỹ] vào những năm 1600; nhiều người gọi đây là xã hội có nền văn hóa hội nhập đầu tiên của Mỹ quốc. Ông Penn trở thành một nhân vật nổi bật trong lịch sử Mỹ quốc vì ông đã làm một số điều khác với hầu hết các nhà thuộc địa – trong đó có cả cách đối đãi độc đáo với các bộ lạc người Mỹ bản địa.

Ông cũng được biết đến là một người đấu tranh cho tự do, và hình thức chính phủ đầu tiên mà ông thành lập đã giúp mở đường cho Hiến Pháp Hoa Kỳ. Ông Penn từng nói: “Không thể có tình bằng hữu nếu không có tự do. Tình bằng hữu yêu cầu không khí tự do và sẽ không bị giam hãm trong những hàng rào chật hẹp và thẳng tắp.”

Ông Penn sinh năm 1644 trong một gia đình giàu có ở Anh quốc. Cha của ông là Đô đốc Tới cao, hoặc nhà lãnh đạo, của Hải quân Anh. Ông được cha khuyến khích tiếp bước trên con đường của mình và học ngoại giao. Ông theo học Đại học Oxford cho đến khi ông quyết định từ bỏ Anh giáo và bị trục xuất năm 1662 vì trở thành tín đồ giáo hội Quaker (Hội Tôn giáo của các Tín hữu).

Sau đó, ông Penn đã đi khắp nước Anh để truyền giảng tin ngưỡng về giáo hội Quaker của mình, chính vì điều này mà ông phải vào tù nhiều lần. Cuối cùng, ông đã trở thành một nhà lãnh đạo cái cách tôn giáo ở Anh quốc, và ông đã sử dụng các mối quan hệ với gia đình hoàng gia Anh mà ông có được thông qua cha mình để giải thoát nhiều tù nhân tôn giáo trong nước.

Sau một thời gian, ông Penn đã từ bỏ cuộc đấu tranh cho tự do tôn giáo ở Anh quốc và chọn phát triển một thuộc địa di theo giáo hội Quaker ở Mỹ quốc. Ông xem đây là một bến đỗ an toàn cho những người phải đối mặt với áp lực tôn giáo. Ông Penn đã viết cho một người bạn đang sống tại các thuộc địa ở Mỹ, “Có thể có cơ hội ở đó, chứ không phải ở đây, cho những trải nghiệm thần thánh như vậy.”

Cuối cùng, ông Penn đã đạt được một thỏa thuận với Vua Charles Đế nhị để có được một khu đất rộng 45.000 dặm vuông ở phía tây New Jersey và phía bắc Maryland, khiến ông trở thành chủ đất tư nhân (không thuộc hoàng gia) lớn nhất thế giới.

Năm 1861, vì để trả một khoản nợ đã vay từ cha của ông Penn, nên nhà vua đã trao khu đất này cho ông để làm nơi ẩn náu an toàn cho Giáo Hữu Hội (Quaker) mới của mình. Ban đầu, ông



Ông William Penn đã thành lập Thuộc địa Pennsylvania dựa trên niềm tin giáo hội Quaker của mình. "Chân dung của ngài William Penn", thế kỷ 18, kỹ thuật дан.

Penn đặt tên cho vùng đất này là “New Wales”, và sau đó đổi thành “Sylvania”, tiếng Latinh có nghĩa là “những khu rừng”. Tuy nhiên, sau đó nhà vua đã đổi tên thành Pennsylvania, có nghĩa là “Khu rừng của Penn”, để vinh danh cha của ông ấy.

‘Khườn khổ đầu tiên của chính phủ’

Sau khi hoàn tất việc thu mua đất này, ông Penn nhanh chóng bắt tay vào xây dựng khung pháp lý cho một xã hội tự do. Trước khi đặt chân lên vùng đất mới, ông đã viết “First Frame of Government” (Khườn Khổ Đầu Tiên Của Chính Phủ), và được phê chuẩn tại thuộc địa này vào tháng 04/1682.

Trong văn kiện đã đặt ra các quy định cho thuộc địa mới này của ông, ông Penn đã bày tỏ những lý tưởng tương tự như những điều khoản được nêu trong Tuyên ngôn Độc lập được xây dựng gần một thế kỷ sau đó. “Con người được sinh ra với quyền tự do toàn vẹn và được hưởng đầy đủ các quyền và đặc ân của quy luật tự nhiên... Không ai có thể bị cưỡng chế rời khỏi địa sản của mình và buộc phải tuân theo quan điểm chính trị của người khác mà không có sự đồng ý của bản thân.” Ông Penn đã nêu trong “Khườn Khổ Đầu Tiên Của Chính Phủ”.

Trong hình thức chính phủ đầu



Ông Penn đã thực hiện một cuộc giao dịch mua đất trong hòa bình từ bộ lạc Lenape vào năm 1682. Đây là thất lưng wampum (vật dụng biểu thị cho các thỏa thuận) do người bản địa giao cho ông William Penn tại “Hiệp ước Vi đại”.

tiên của thuộc địa Pennsylvania, các cư dân có quyền được bảo đảm sở hữu tư nhân, một nền báo chí tự do, quyền tự do kinh doanh hầu như không giới hạn, xét xử bởi bồi thẩm đoàn, và khoan dung tôn giáo. Bộ luật hình sự của thuộc địa mới này chỉ quy định án tử hình đối với tội phản quốc và sát nhân, so với 200 tội danh có thể khiến người nào đó bị hành quyết theo bộ luật hình sự của Anh. Khuôn khổ này cũng bao gồm một điều khoản cho phép sửa đổi để có thể thay đổi khi cần thiết, đây là lần đầu tiên một điều khoản như vậy được đưa vào bất kỳ hiến pháp thành văn nào.

Ông Penn tin vào tính đúng đắn của việc áp dụng mức thuế thấp tại thuộc địa này. Ông đã thông qua các luật quy định các mức thuế thấp đối với rượu và rượu táo, cũng như một mức thuế thấp đối với hàng nhập cảng và xuất cảng lông thú và da sống.

Sau đó, ông Penn đã thực hiện một chuyến đi bảo táp xuyên Đại Tây Dương vào năm 1682 trên con tàu Welcome. Bất chấp khó khăn trong cuộc hành trình này, kể cả việc mất đi một phần ba hành khách trên tàu do dịch bệnh đậu mùa bùng phát, ông Penn đã đến thuộc địa của mình vào ngày 08/11/1682.

Ngay khi đến được các thuộc địa ở Mỹ, ông Penn đã tập hợp những người bạn theo giáo phái Giáo Hữu Hội của mình để thành lập thành phố đầu tiên ở thuộc địa này. Ông sắp đặt thành phố theo một dạng lưới và đặt tên là Philadelphia, tiếng Hy Lạp có nghĩa là “thành phố của tình huynh đệ”. Chỉ bốn năm sau khi ông Penn thành lập thành phố này, nơi đây đã có hàng ngàn cư dân đến từ nhiều sắc tộc và tôn giáo [khác nhau].

Trước khi chuyển đến thuộc địa mới của mình, ông Penn biết rằng ông cần một rào cản nửa phải vượt qua, vì ông đã nghe những người bạn ở Mỹ kể rằng vùng đất mà ông được nhà vua ban cho đã có các bộ lạc bản địa sinh sống. Ông muốn thay đổi cách mà các nhà thuộc địa trước đó đã đối phó với các bộ lạc người Mỹ bản địa sau khi nghe tin về các cuộc chinh phục và tiếp quản đất đai tàn bạo đã xảy ra ở các vùng của New England và Maryland.

Giai đoạn thứ hai sống ở thuộc địa Mỹ của ông Penn cũng ngắn ngủi vì ông và gia đình quyết định quay trở lại Anh quốc năm 1701 – nơi ông qua đời năm 1718. Mặc dù chỉ sống ở thuộc địa Mỹ của mình tổng cộng bốn năm, nhưng ông đã đặt nền móng cho Tiểu bang Pennsylvania, là tiểu bang thứ hai trong số 13 tiểu bang đầu tiên gia nhập Hợp

Vì là một người sùng đạo theo Giáo Hữu Hội, nên ông Penn là một người theo chủ nghĩa hòa bình và không tin vào bạo lực. Trên thực tế, Pennsylvania được thành lập như một thuộc địa duy nhất ở Mỹ quốc mà không có quân đội. Ông Penn tin tưởng chắc chắn rằng ông có thể thiết lập hòa bình với các bộ lạc bản địa này mà không phải dùng đến chiến tranh và đổ máu như các nhà thuộc địa khác đã từng làm. Trước khi đến, ông đã viết một bức thư cho các thủ lĩnh bộ lạc và nói với họ rằng ông sẽ đến định cư trên vùng đất của họ, bởi vì vào thời điểm đó, nhiều thủ lĩnh bộ lạc đã [tự mình] giao thương với những người thực dân Anh hoặc thông qua những người phiên dịch.

Ông nói với họ rằng ông rất lấy làm tiếc về “sự không tử tế và bất công” mà người Mỹ bản địa đã trải qua với những người Âu Châu khác và hứa rằng thuộc địa Pennsylvania của ông sẽ không như vậy. Ông nói rằng, vì Chúa đã truyền lệnh cho những tín đồ của Giáo Hữu Hội phải yêu thương người khác, nên ông và những người trong thuộc địa của mình sẽ đối xử một cách hòa bình, công bằng, và trung thực với người bản địa. Kể từ khi ông Penn đến, ông và những tín đồ của Giáo Hữu Hội đã từ chối lấy bất kỳ vùng đất nào mà không có sự đồng ý của những người bản địa – những người đã sống ở đó được vài năm.

Ông đã có thể đạt được các mối quan hệ hòa bình với các bộ lạc Susquehannocks, Shawnees, và Leni-Lenape. Người Mỹ bản địa tôn trọng lòng dũng cảm của ông Penn, bởi họ biết ông đã đến thăm các bộ lạc mà không cần có lính canh hay vũ khí cá nhân trên người.

Ông được biết đến là một chân chạy cử khởi, có thể chạy thật nhanh khỏi các chiến binh người Mỹ bản địa. Điều này đã giúp ông nhận được sự tôn trọng của các bộ lạc. Ông cũng học ngôn ngữ của người Mỹ bản địa để có thể tiến hành các cuộc đàm phán và giao tiếp với các bộ lạc này mà không cần qua phiên dịch.

Năm 1682, dưới một gốc cây du lớn, ông Penn đã thực hiện một giao dịch mua đất trong hòa bình từ các thủ lĩnh của bộ tộc Lenape ở làng Shackamaxon. Có thông tin cho rằng ông Penn đã trả tổng cộng 1.200 bảng Anh cho mảnh đất này và ông đã mời những người bản địa đến thăm thành phố Philadelphia bất cứ lúc nào họ muốn. Ông Penn chỉ le cũng đã thực hiện nhiều khoản chi cho cùng bộ lạc này vì thực tế là một số người trong bộ lạc đó có những đòi hỏi đối với các phần đất khác nhau.

Nhiều năm sau, thỏa thuận mà ông Penn ký kết với các bộ lạc người Mỹ bản địa được đặt danh hiệu là “Hiệp ước Vi đại” hoặc “Hiệp ước của Penn”. Trong suốt thế kỷ 18, nhà triết học người Pháp Voltaire gọi hiệp ước này là “hiệp ước duy nhất giữa những người [Mỹ bản địa] và tin đó Cơ đốc không được phê chuẩn bằng một lời tuyên thệ, và nó chưa bao giờ bị vi phạm.” Năm 1771, họa sĩ Benjamin West đã vẽ bức họa “Hiệp ước của Penn với người Mỹ bản địa”, mô tả cuộc gặp gỡ của ông Penn với người Mỹ bản địa bằng một nét sinh khí mới.

Ông Penn trở về Anh quốc

Năm 1684, ông Penn đã rời Mỹ và quay trở về Anh quốc để thăm gia đình và cố gắng giải quyết một vụ tranh chấp lãnh thổ với Nam tước Baltimore. Ông Penn và Nam tước Baltimore có một bất đồng về điểm kết thúc của thuộc địa Pennsylvania và điểm bắt đầu của tỉnh Maryland, dẫn đến một tranh chấp pháp lý kéo dài 80 năm giữa hai gia đình.

Ông Penn trở lại thành phố Philadelphia vào tháng 12/1699 trên con tàu tên Canterbury. Thuộc địa Pennsylvania lúc đó đã có hơn 18.000 cư dân và Philadelphia là một thành phố thịnh vượng.

Giai đoạn thứ hai sống ở thuộc địa Mỹ của ông Penn cũng ngắn ngủi vì ông và gia đình quyết định quay trở lại Anh quốc năm 1701 – nơi ông qua đời năm 1718. Mặc dù chỉ sống ở thuộc địa Mỹ của mình tổng cộng bốn năm, nhưng ông đã đặt nền móng cho Tiểu bang Pennsylvania, là tiểu bang thứ hai trong số 13 tiểu bang đầu tiên gia nhập Hợp

Thư Quý biên dịch

NGHỆ THUẬT

Danh họa Anthony van Dyck: Hành trình trở thành một bậc thầy

Tiếp theo từ trang 1

Việc đối chiếu giữa hai tác phẩm “Portrait of Cornelius van der Geest” (Chân dung của Cornelius van der Geest) khoảng năm 1620 và “Portrait of Inigo Jones” (Chân dung của Inigo Jones) được vẽ sau này cho chúng ta thấy ông tiến bộ nhanh chóng như thế nào về kỹ năng điều luyện, cũng như các yếu tố then chốt tạo nên phong cách độc đáo riêng của ông. Những bức chân dung kiểu Flemish thời kỳ đầu thường vẽ trên nền tối và chỉ giới hạn nửa thân trên của người mẫu. Mặc dù trong tác phẩm “Chân dung của Inigo Jones” của van Dyck, chúng ta vẫn thấy chỉ có nửa thân trên của người mẫu, nhưng chúng ta đã thấy ông chọn phong cách điểm xuyết phông nền trung tính bằng đường nét hình học để tạo chiều sâu cho không gian nhiều hơn và tạo bối cảnh cho tranh chân dung.

Khi ông van Dyck có cơ hội tiếp cận và học hỏi từ những tác phẩm của các bậc thầy vĩ đại, ông nhanh chóng hình thành phong cách cá nhân hơn trong dòng tranh tôn giáo. Là những nhà tiên phong của trường phái tân Flemish Baroque, ông van Balen và ông Rubens đã truyền dạy cho ông van Dyck một nền tảng vững chắc về truyền thống của nghệ thuật Flemish và nghệ thuật thời kỳ Phục Hưng Ý. Tuy nhiên, ảnh hưởng của nghệ thuật Ý mang tính gián tiếp, vì cả ông van Balen và ông Rubens đều là họa sĩ theo trường phái nghệ thuật Flemish, là những người đã từng sinh sống và chỉ học tập tại Ý trong một thời gian ngắn. Trong những năm đầu sự nghiệp của họa sĩ van Dyck, các nhà sưu tập tranh Bắc Âu mới bắt đầu nhập cảng những kiệt tác nghệ thuật của nước Ý trên một quy mô lớn. Có rất ít tác phẩm như vậy được tìm thấy tại



Việc tập trung vào các chủ đề tôn giáo của họa sĩ Anthony van Dyck thuở ban đầu đã ảnh hưởng đến những đối mối sau này của ông trong vẽ tranh chân dung. Tác phẩm “Samson and Delilah” (Samson và Delilah) của Anthony van Dyck, năm 1628–1630. Tranh sơn dầu trên vải canvas. Bảo tàng Mỹ thuật, Vienna.

Sự tập trung vào các chủ đề tôn giáo của ông van Dyck thuở ban đầu có lẽ là một khía cạnh bị lãng quên nhất trong sự nghiệp của ông.

Hà Lan.

Thật may cho ông van Dyck, một trong các nhà sưu tập đầu tiên trong số đó là ông Thomas Howard, Bá tước thứ 14 của xứ Arundel, Anh quốc, là một người am hiểu về đời sống nghệ thuật bên kia eo biển Manche. Bộ sưu tập của ông có hơn 700 tác phẩm, trong đó có hàng chục tác phẩm của các bậc thầy người Ý như Correggio, Giorgione, Tintoretto, Titian, và Veronese. Bởi vì những bức bích họa của các danh họa Leonardo da Vinci, Michelangelo, và Raphael không thể bị vận chuyển được, cho nên ông Arundel đã sưu tập bản phác họa của những bức bích họa này.

Ông Arundel là người đã có công dân xếp một trong những nhiệm vụ lớn đầu tiên cho ông van Dyck – vẽ chân dung Vua James Đế Nhất. Trong chuyến viếng thăm Anh quốc ngắn ngủi năm 1620, ông van Dyck đã nghiên cứu bộ sưu tập tranh của ông Arundel và nhanh chóng định định thăm nước Ý vào năm sau. Ông đã ở lại Ý cho đến năm 1627.

Phát triển phong cách nghệ thuật riêng

Khi ông van Dyck ở Ý, ông đã dần đạt đến độ điêu luyện [trong nghệ thuật]. Những tác phẩm như “Saint Sebastian Bound for Martyrdom” (Thánh Sebastian từ vì đạo) và “Virgin and Child with Repentant Sinners” (Đức mẹ Đồng Trinh Mary và Chúa Hài Đồng cùng những tội nhân sám hối) cho thấy sự phát triển rõ ràng về phong cách cá nhân của ông. Những tác phẩm này vẫn lưu lại về huy hoàng và tráng lệ của danh họa Rubens. Tuy thế, ông van Dyck đã bắt đầu giảm bớt số lượng nhân vật và thay thế cách sử dụng màn khói kỳ ảo của ông Rubens bằng những chi tiết rõ ràng hơn trong các bức chân dung thời kỳ đầu của mình.

Ông Van Dyck không bao giờ hoàn toàn tuân theo những truyền thống của các họa sĩ vẽ chân dung thời kỳ đầu. Trong suốt thời gian ở lại nước Ý, ông đã bắt đầu vẽ những bức chân dung toàn thân trên các phông nền tự nhiên, chẳng hạn như tác phẩm có tên “Marchesa Elena Grimaldi Cattaneo”. Điều thú vị là cách vẽ toàn thân và các phông nền tự nhiên đều khá phổ biến trong những tác phẩm về chủ đề tôn giáo – điều này nói

lên rằng kinh nghiệm vẽ tranh về chủ đề này đã ảnh hưởng đến việc phát triển phong cách vẽ chân dung của ông.

Một họa sĩ vẽ chân dung trứ danh

Trái ngược với sự phát triển về phong cách, việc chuyển đổi của ông van Dyck từ họa sĩ vẽ tranh tôn giáo sang họa sĩ chuyên vẽ chân dung diễn ra chậm hơn. Mặc dù khi ở Ý, ông chủ yếu tập trung vào những tác phẩm có chủ đề tôn giáo, nhưng ông lại được ủy nhiệm vẽ chân dung cho tầng lớp quý tộc xứ Genoa nên số lượng các tác phẩm loại này ngày càng tăng. Trở trêu thay, sự kết hợp này có lẽ đã trợ giúp cho quá trình chuyển xu hướng của họa sĩ vẽ chân dung chính là làm việc cho một hoàng gia.

Bối cảnh lại lần nữa nâng đỡ ông van Dyck. Người trị vì Hà Lan, Nữ công tước Isabella von Habsburg, là một nhà bảo trợ nhiệt thành cho nghệ thuật và cũng là một người rất ngoan đạo. Bộ sưu tập các tác phẩm của van Dyck đã khiến ông hoàn toàn phù hợp để trở thành một trong các họa sĩ hoàng gia của bà. Và chính nhờ nền tảng tại Hà Lan này, ông van Dyck dần dần làm việc cho các gia đình hoàng tộc tại những nước láng giềng. Cuối cùng, ông đã được mời làm họa sĩ hoàng gia cho Vua Charles Đế Nhất.

Chỉ sau chuyến viếng thăm tương đối muộn màng đến Anh quốc, họa sĩ van Dyck mới đạt đến độ chín muồi cho việc phát triển phong cách của mình, với những bức tranh chân dung về cuộc sống hàng ngày trên các phông nền tự nhiên rộng lớn. Đây chính là đỉnh cao của phong cách nghệ thuật đó được xây dựng từ những kiệt tác tranh kể chuyện mà ông đã vẽ trong nhiều năm và từ mức độ thành công trước đây của ông, tại những nơi mà yêu cầu về nghệ thuật là khắt khe nhất châu Âu, cho thấy đỉnh cao đó huy hoàng đến mức độ nào.

Thanh Ân biên dịch



ProCare

Pharmacy & Medical Supplies

- Cung cấp đầy đủ các loại thuốc tây, vắc xin ngừa cúm cúm, COVID-19, và du lịch. Không cần lấy hẹn trước.
- Cung cấp tất cả các loại dụng cụ y khoa như xe lăn, gậy, dụng cụ an toàn trong phòng tắm, gối đặc biệt cho người đau cổ, đau lưng, đau chân... Đặc biệt: Có bán giấy trị liệu cho bệnh nhân Tiểu Đường; Giày, nịt lưng giảm đau cột sống... Và rất nhiều sản phẩm hữu ích khác để phục vụ quý khách hàng.
- Nhà thuốc ProCare được công nhận là nhà thuốc chuyên cung cấp các loại thuốc đặc trị bởi Cơ Quan Kiểm Định Sử Dụng thuốc của Hoa Kỳ (URAC).
- Mục tiêu chính của toàn thể nhân viên nhà thuốc chúng tôi là cung cấp đầy đủ mọi chi dẫn về sức khỏe và đồng thời phục vụ tối đa để đáp ứng nhu cầu của từng bệnh nhân.
- Chương trình “Đơn giản thuốc” nhằm tăng sự tiện lợi cho quý vị và giúp đạt hiệu quả trong cách dùng thuốc qua việc tư vấn trực tiếp giữa Dược Sĩ với từng bệnh nhân.



Châm ngôn của chúng tôi:

Chất Lượng - Thành Tâm - Nhanh Chóng

Free Delivery

9191 Westminster Ave.
Garden Grove, CA 92844
Website: www.ProCareDrugStore.com
Email: info@ProCareDrugStore.com

Phone: (714) 899-1111
Fax: (714) 899-2808

Mở Cửa 7 Ngày Mỗi Tuần

Thứ Hai – Thứ Sáu	9:30 AM - 6:30 PM
Thứ Bảy – Chủ Nhật	9:30 AM - 1:30 PM

Mỹ phẩm thiên nhiên trong Đại Quan Viên: Phụ nữ thời xưa trang điểm như thế nào?

Lan Âm

Phấn lót, màu mắt, son môi... các loại mỹ phẩm trang điểm thời nay rực rỡ muôn màu, nhiều vô kể. Trên bàn trang điểm của các cô gái, có đủ bình bình lọ lọ bày một bàn lớn. Thế nhưng, bạn có từng nghĩ, các thiếu nữ thời xưa dùng đồ trang điểm gì, hiệu quả như thế nào? Chúng ta hãy từ trong “Hồng Lâu Mộng”, cuốn tiểu thuyết được mệnh danh là “Bách khoa toàn thư cổ đại” để tìm câu trả lời nhé!

“Hồng Lâu Mộng” là một tác phẩm nổi tiếng miêu tả vận mệnh bi hoan của các tiểu thư khuê các thời xưa. Trong đó, những miêu tả liên quan đến việc các thiếu nữ trang điểm có thể tìm thấy rất nhiều. Hồi thứ 44 “Này sinh bất tử, Phương tỷ ghen tuông; Vui mừng quá đổi, Bình Nhi trang điểm” có một đoạn ngắn nói về “Bình Nhi trang điểm”. Tác giả dùng bút mực, tường tận tái hiện quá trình các thiếu nữ trang điểm và đồ trang điểm cao cấp thuần thiên nhiên mà các nàng sử dụng.

Trong hồi này nói, hôm đó là sinh nhật của một hai Giả phủ Vương Hi Phượng, những nàng này sinh xung đột với phu quân là Giả Liễn. Phu thê họ mượn rượu vừa đánh vừa cãi nhau, lại không hện mà cùng đánh chửi đại à hoàn Bình Nhi trong nhà cho bố tức. Đáng thương có gái vô tội vừa thông minh lại thanh tú này phải chịu ủy khuất, vậy áo nhàu nhĩ, phấn son trang điểm cũng vì khốc mà trôi mất.

Lúc này, bên trong Đại quan viên, ‘hộ hoa sứ giả’ Giả Bảo Ngọc vội mời Bình Nhi đến sân viện của mình để an ủi, không chỉ thay ca và tấu tấu nói lời xin lỗi, còn đau lòng khi thấy Bình Nhi với trang phục xộc xệch, dung mạo lem luốc bên một nàng thay bộ y phục sạch, lại giúp chỉnh sửa dung nhan của nàng. Nhờ vậy, chúng ta đã may mắn xem được quá trình trang điểm của các thiếu nữ trong Đại quan viên.

Bước đầu tiên: Bôi phấn thơm

Đại Bình Nhi thay xiêm áo, rửa mặt xong, Giả Bảo Ngọc mời Bình Nhi đến ngồi trước bàn trang điểm, đưa đồ trang điểm tốt nhất ở trong nhà ra. Chỉ thấy Giả Bảo Ngọc mở một “Hộp sứ Tuyên Dao”, bên trong xếp ngăn nắp một hàng mười thoi ngọc trâm phấn hoa. Bảo Ngọc nhặt lên một thoi đưa cho Bình Nhi, còn ấn cần giới thiệu: “Đây không phải bột chì, đây là hạt giống hoa nhài tím, nghiền nát rồi trộn với hương liệu chế ra.” Bình Nhi trút một ít vào trong lòng bàn tay, quả nhiên là “nhe, trắng, hồng, thơm, bốn điểm đều tuyệt,” trong lòng đã có phần thích thú. Nàng đem bột hoa nhài xoa đều trên mặt, cảm thấy nước da trơn mịn, không giống như các loại phấn thông thường “xanh, nặng, bết, ráp.”

Phấn thơm, chính là phấn lót thời xưa, sớm nhất thì có thể ngược dòng tìm hiểu về thời Chiến Quốc. Chất liệu lấy bột gạo và bột chì làm chủ. Bột gạo thiên nhiên nhưng dễ bị vón cục, bột chì dùng trang điểm hiệu quả tốt nhưng lại có độc tính. Các cô gái thích chưng diện muốn lựa chọn, quả thực là khó khăn. Về sau, công nghệ chế tác phấn thơm của cố nhân càng ngày càng cao siêu, xuất hiện loại phấn lót cao cấp giống như hoa nhài, vừa trắng đẹp lại có công hiệu dưỡng da cao cấp.

Điều chế phấn hoa hoa nhài tìm cần nghiên cứu kỹ lưỡng. “Trúc tự sơn phòng tập bộ” thời nhà Minh đã ghi chép một cách chế ra “phấn ngọc trai”: “Đất sét trắng một tiền [1] rưỡi, Bạch chỉ bỏ vỏ một lượng, Ngọc trai nghiền nát năm phần, xạ hương nhất tự [2], khinh phấn hai tiền, Ứng điều năm tiền, Mật đã tăng đã sao qua bảy lần - một lượng, Kim bạc năm miếng, Ngân bạc năm miếng, Chu sa năm tiền, Phiến nảo một ít, đem tán thành bột mịn. Cho loại bột thượng đẳng theo đúng định lượng trên vào đầu hoa ngọc trâm (Hoa kỷ chủ), đem hấp cách thủy, hoa chuyển màu xanh đen là được. Lấy ra trộn đều. Bôi đều lên mặt sẽ rất sáng và óng ánh.” Đầu tiên nghiền hạt giống hoa nhài thành bột, thêm trâm châu, kim bạc, ngân bạc và các loại bột hương liệu, cho hỗn hợp bột vào nọ hoa kỷ chủ cho hấp



Tranh “Sơ trang” trong sách “Sĩ nữ Thanh ngu đồ”, do Dụ Lan người thời Thanh vẽ.

cho đến khi cánh hoa chuyển sang màu xanh đen là được.

Một hộp phấn thơm nhỏ xinh, bên trong dùng hạt giống của hoa, thuốc Đông y, thậm chí cả châu báu, còn được đựng trong những nọ hoa mềm mại, khi dùng chỉ cần mở nọ hoa ra, thực sự rất đẹp mắt lại tiện lợi.

Bước thứ hai: Điều chế phấn hồng

Sau lớp phấn nền thì nên dùng mỹ phẩm màu. Cách trang điểm phổ biến nhất thời cổ đại là dùng phấn hồng. Đây là một loại mỹ phẩm màu lấy nguyên liệu hoa màu đỏ và màu xanh chế tạo thành, có thể dùng cho môi và má, có tác dụng như son môi và má hồng ngày nay. Hầu hết, phấn má đều được nhuộm trên giấy, nhưng ở Đại quan viên, Giả Bảo Ngọc là một bậc thầy về chế tác phấn má. Bảo Ngọc chế phấn má bên ngoài không sạch sẽ, lúc thoa lên có màu nhợt nhạt, vì vậy phấn má trong phòng của cậu ấy được đặc chế riêng.

Lại xem phần hồng má Bình Nhi sử dụng, được đặt trong một chiếc hộp nhỏ tinh xảo bằng ngọc trắng, giống như cao hoa hồng. Bảo Ngọc giới thiệu: “Đây là loại phấn má thượng hạng được vắt lấy nước cốt, lọc thật sạch cặn bã và hấp với sương hoa nhiều lần mà thành. Chỉ cần đầu cây trâm khêu một chút bôi vào lòng bàn tay, hòa tan với một chút nước và bôi nó lên môi, còn lại trong lòng bàn tay là đủ để bôi vào má.” Bình Nhi trang điểm theo, quả nhiên khi sắc trở nên hồng nhuận, điểm lệ khác thường; lại thêm hương thơm của đoá hoa tỏa ra, khuôn mặt giống như đoá phù dung, tỏa hương thơm ngát.

Bình Nhi chải đầu trang điểm xong, Bảo Ngọc vẫn cảm thấy chưa đủ, vì vậy đã dùng kéo trúc cắt xuống một cành hoa huệ cài lên mái tóc của nàng. Sau khi được Bảo Ngọc một phen tỉ mỉ tận trang, dung mạo của Bình Nhi trông rực rỡ hẳn lên. Bảo Ngọc cũng bởi thế mà cảm thấy khuây khỏa vì mình đã cố gắng hết sức trước mặt nàng ấy.

Bởi vì Bình Nhi tạm thời sa sang trang điểm, cho nên tác giả chỉ miêu tả hai loại phấn son. Trong các hồi khác của “Hồng Lâu Mộng”, cũng thỉnh thoảng nhắc đến các loại mỹ phẩm, khiến các mỹ nữ trong Hồng Lâu Mộng vốn xinh đẹp tự nhiên càng thêm rực rỡ muôn phần.

Vẽ lông mày

Bảo Ngọc và Đại Ngọc lần đầu gặp mặt, Giả Bảo Ngọc đã động lòng trước đôi lông mày điểm màu khói nhạt, đường



Một phần bức “Đối kính sĩ nữ đồ”, do Chu Bản thời nhà Thanh vẽ.

như cau mà lại không cau của Lâm Đại Ngọc, liền hào hứng muốn đặt tên cho nàng, thậm chí còn bịa ra một bộ thuyết pháp: “Có một hòn đá ở phía tây tên là Đại, có thể dùng thay thế mực kẻ lông mày.” Bút kẻ lông mày thời cổ đại đã phát triển đơn giản từ cảnh liễu chảy, cho đến đá hình con ốc được nhập từ ngoại quốc, có thể thấy mức độ coi trọng kẻ lông mày của phụ nữ thời xưa. Trong cuốn “Thích Danh” có nói đến “Đại”, “Xóa bỏ lông mày đi và dùng nó về thay vào.” “Đại” là một trong những công cụ lý tưởng để vẽ lông mày. Giống như ngày nay, phụ nữ cũng muốn loại bỏ lông mày gốc đi, sử dụng bút chì để vẽ hình lông mày theo ý muốn.

Lông mày đối với phụ nữ ngày xưa có quan trọng không? Nàng dâu mới gả về thành giáo phu quân xem mình trang điểm đúng mực chưa, cũng chỉ hỏi một câu “Chàng xem lông mày thiếp vẽ đậm nhạt vậy được chưa?” Hình thái của lông mày cũng biến thiên theo triều đại, phát triển ra hình dạng thiên biến vạn hóa. Các loại lông mày như lông mày hình nhũ xai, lông mày chữ bát, lông mày ngài, lông mày rộng, v.v. chỉ xem tên gọi thôi cũng khiến cho người ta hoa mắt.

Trong Đại quan viên, không chỉ Đại Ngọc, những người khác cũng có lông mày hình dáng đặc biệt, ví như “hai hàng lông mày cong như lá liễu” của Vương Hi Phượng, “tuần nhân tu mi” của Thám Xuân. Tin rằng ngoại trừ Tiết Bảo Thoa “lông mày không vẽ mà xanh” ra, phần lớn các nàng đều sẽ dùng bút vẽ lông mày thượng đẳng, tinh tế phác họa ra kiểu dáng lông mày mà mình thích. Điều này chỉ có ở các cô gái

trong Hồng Lâu, mỗi người đều mang theo một phong thái yêu kiều điểm lệ.

Nhuộm móng tay hoa

Sơn móng tay cũng được phụ nữ ngày xưa yêu chuộng. Trong Hồi thứ 51 “Hồng Lâu Mộng” có nhắc đến việc thấy thuốc đến bên giường Tinh Văn chẩn bệnh. Tinh Văn từ sau màn che vươn tay ra, bàn tay nằm ngón thon thả, có hai móng tay để dài ba tấc, còn có vết tích nhuộm đỏ của hoa kim phượng. Đại phu tưởng rằng đây là thiên kim tiểu thư, vội vàng quay đầu không dám nhìn thẳng. Có thể thấy, đôi tay của Tinh Văn được chăm sóc rất tốt, thích dùng cách nhuộm móng để làm đẹp hơn một mức, không hổ thẹn là nha hoàn đẹp nhất Đại quan viên.

Thời xưa, nguyên liệu nhuộm móng chủ yếu là hoa phụng tiên màu đỏ. Hoa Kim phượng mà Tinh Văn sử dụng cũng thuộc về loài hoa phụng tiên. Liên quan tới việc chế ra nước nhuộm móng và phương pháp nhuộm móng, cuốn “Quý Tàn tạp thức” thời Nam Tống có ghi chép đầy đủ: Đem cánh hoa Phụng tiên giã nát, cho thêm một chút phen chua; sau khi rửa sạch móng tay, đem nó phủ lên móng tay, dùng vải quấn lại để qua đêm. Sau khi nhuộm màu lần thứ nhất, màu sắc sẽ khá nhạt, nhưng không sao, liên tục nhuộm thêm đảm ba lần, móng tay sẽ đỏ tươi giống như son. Phương pháp nhuộm màu này có độ bền cao, màu sắc có thể giữ gìn đến lúc mọc ra móng tay mới. Có nhân sơn móng tay, so với hiện tại chẳng phải còn lành mạnh hơn sao?

Thuốc quý trị da mẩn cảm

Phái nữ ngày nay thường dùng “Thuốc làm đẹp”, mà cố nhân trí huệ đã bắt đầu sử dụng từ rất sớm. Trong “Hồng Lâu Mộng” có một loại thuốc làm đẹp nổi tiếng và quý giá mà ai gặp cũng thích – Tường vi tiêu. Hồi thứ 59 nói, Tường Văn sáng sớm tỉnh dậy, lúc rửa mặt chải đầu phát hiện hai má bị ngứa, lo lắng mắc bệnh “nấm hoa đào”, liền hỏi Bảo Thoa mượn Tường vi tiêu. “Nấm hoa đào” là triệu chứng do làn da bị dị ứng dễ phát vào mùa xuân, cho nên Tường Văn trước khi trang điểm phải dùng sản phẩm dưỡng da tiêu viêm, mới có thể tiếp tục trang điểm. Tường vi tiêu không chỉ thiết yếu với các tiểu thư, mà các nha hoàn nếu có được một ít sẽ xem như bảo bối để làm quà tặng nhau. Vậy Tường vi tiêu là linh dược như thế nào?

Tường vi tiêu là dùng Tường vi lộ cùng ngân tiêu chế thành. Ngân tiêu đại khái là một loại thuốc có thể tiêu độc, quý là ở Tường vi lộ. Tường vi có công hiệu phục hồi cơ bắp, giúp da dẻ mượt mà, có hiệu quả nhất định đối với trị liệu làn da bị dị ứng. Trong “Bản thảo cương mục” ghi chép, ở Nam Phiên có một loại Tường vi lộ hương thơm nồng đậm, nghe nói chính là lấy từ nước chưng cất của loài hoa này chế thành.

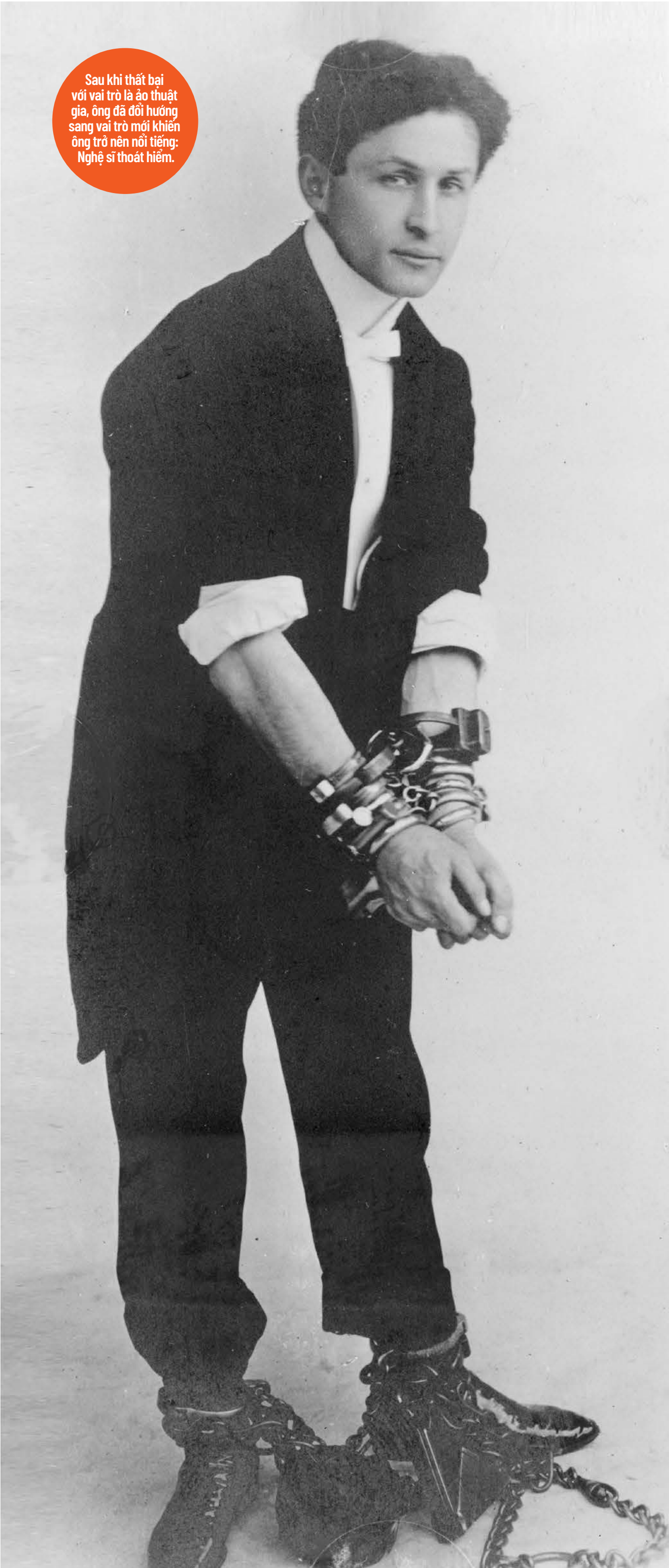
Trong “Quần phương phổ”, mọi người chế Tường vi lộ, đã dùng phương pháp ngâm Tường vi thay thế nước chưng cất hoa, hoặc đổi sang dùng hoa nhài. Phương pháp chế ra lộ hoa thiên nhiên, lấy chưng cất làm chủ đạo. Thông thường, thời xưa, cả trăm cân cánh hoa chỉ có thể rút ra một bình nhỏ lộ hoa, khó trách chỉ có danh gia vọng tộc hoa tươi phủ khắp, vô cùng giàu có mới dám dùng đến Tường vi tiêu.

Hiểu biết về những mỹ phẩm truyền thống với chất liệu thượng đẳng và cách làm độc đáo này, chẳng phải các chị em phụ nữ chúng ta cũng cảm thấy rất ngưỡng mộ hay sao?

Chú thích:

[1] Tiền: Giá trị do đếm mỗi triều đại có sự khác nhau: thời nhà Tống, 10 phân bằng 1 tiền, 10 tiền bằng 1 lượng; đến thời nhà Minh–Thanh, hai tiền rưỡi bằng 1 phân, 01 lượng bằng 1 tiền. [2] “Nhất tự” là dựa vào loại tiền Khai Nguyên Thông Bảo thời xưa, trên đồng tiền có khắc bốn chữ Khai Nguyên Thông Bảo, xác mặt thuốc lấp đầy các chữ đó là lượng của nhất tự.

Vương Du Duyệt biên tập
Sương Sương biên dịch



Harry Houdini biểu trình diễn trong tư thế bị cùm tay và chân. Ảnh chụp năm 1905.



Quý vị muốn chia sẻ báo với người thân, bạn bè? Epoch Times sẽ giúp chuyển tận nhà mỗi tuần.

TEL: (714) 356-8899 | WWW.EPOCHTIMESVIET.COM

EPOCH
TIMES
TIẾNG VIỆT

THOÁT HIỂM!

Câu chuyện về ảo thuật gia Harry Houdini

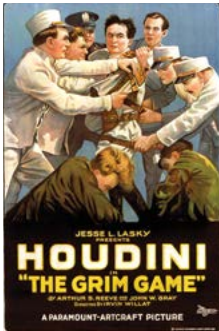
Stephen Oles

C ho đến ngày nay, đã gần một thế kỷ sau khi ông qua đời, người ta vẫn nhắc đến tên ông. Khi một chú chó trốn ra khỏi sân nhà, hay em bé chui ra khỏi khung gỗ, ai đó sẽ nói: “Là Houdini nhỉ đó!” Houdini vẫn có nghĩa là “ảo thuật gia” cũng như từ “Fido” có nghĩa là “chó”. Điều buồn cười là, ông Houdini không thật sự là ảo thuật gia. Hay đúng hơn, sau khi thất bại với vai trò là ảo thuật gia, ông đã đổi hướng sang vai trò mới khiến ông trở nên nổi tiếng: Nghệ sĩ thoát hiểm.

Ông viết: “Tôi sinh vào ngày 06/04/1874, trong một thị trấn nhỏ ở Appleton, tiểu bang Wisconsin, Mỹ quốc.” Mặc dù nhiều sách và trang web đều lặp lại thông tin này, nhưng không có điều nào đúng cả. Cả cuộc đời mình, ông Houdini, và sau này là phu nhân góa bụa Bess của ông, đã kể những câu chuyện hư cấu và đầy mâu thuẫn. Sàng lọc sự thật khỏi những điều giả tưởng là việc khó khăn cho những người viết tiểu sử về ông cũng như cho độc giả.

Tên khai sinh của ông Houdini là Ehrich Weiss (cũng được đánh vần là Erik Weisz), ông chào đời ngày 24/03 ở Budapest, Hungary. Cha của ông, ông Mayer Samuel, cũng như hàng triệu người nhập cư vào thời kỳ đó, đã đi tìm cuộc sống tốt đẹp hơn ở Mỹ quốc. Ông đã tìm thấy cuộc sống đó ở Appleton – một cộng đồng rất hoan nghênh các giáo đoàn Cơ Đốc đã giúp quyền góp tiền để xây dựng đền thờ cho các gia đình Do Thái. Những gia đình này nhanh chóng thuê ông Mayer Samuel làm giáo sĩ Do Thái của họ. Vui mừng khôn xiết, ông đã đưa cả gia đình, gồm cậu con Ehrich 4 tuổi sang Mỹ cùng ông.

Gia đình họ được đoàn tụ, nhưng thời gian tốt đẹp không kéo dài được lâu. Vì chưa bao giờ tự tin với tiếng Anh, nên Giáo sĩ Weiss đã tiếp tục đọc các lời cầu nguyện bằng tiếng Đức, khiến những thành viên trong giáo đoàn của ông khó chịu. Họ xem ông là người quá cổ hủ. Vì vậy, họ sa thải ông. Vì không tìm được công việc ở Appleton, ông Weiss đưa gia đình đi từ thị trấn này qua thị trấn khác, và cuối cùng, đến Thành phố New York. Nhưng kể cả ở đó, cũng không ai cần một giáo sĩ không nói được tiếng Anh. Trước khi qua đời, ông yêu cầu con trai Ehrich hứa sẽ luôn luôn chăm sóc cho mẹ mình.



▲ Poster quảng bá các bộ phim do ảo thuật gia Harry Houdini làm diễn viên chính.

Xem tiếp trang 6

Những nàng dâu đức hạnh lưu lại giai thoại thiên cổ

Lưu Hiến

Người xưa rất coi trọng đức hạnh và “tu thân”, cả nam và nữ đều như thế. Ví như một người con gái khi chưa kết hôn, phải kính trọng anh trai và chị dâu, yêu thương em trai và em gái của mình. Sau khi kết hôn, được gả đến nhà chồng, nàng cần hòa thuận với chị em dâu, đối xử tốt với các em, đặc biệt phải lấy việc hòa giải mâu thuẫn giữa huynh đệ làm điều quan trọng nhất. Như thế mới khiến trưởng bối an tâm, cả nhà hòa thuận.

Em dâu nhỏ họ Tô cảm hóa bốn chị dâu

Trong cuốn “Khuê Phạm” do Lữ Khôn – nhà văn và nhà tư tưởng nổi tiếng thời nhà Minh biên soạn – có một đoạn nói về “tự đề chi đạo”. “Tự đề” ý tứ giống như “trục lý”, nghĩa là cách xưng hô giữa vợ của anh em trai – vợ của anh trai là “tự”, còn vợ của em trai là “đề”. Khi có những người khác họ sống cùng anh em ruột thịt, điều này có thể khiến anh em thân thiết hơn, cũng có thể khiến anh em bất hòa. Vậy nên dân gian có câu “Huynh đệ nhất khối nhục, phụ nhân thị đao chùy; huynh đệ nhất phủ canh, phụ nhân thị diêm mai”. Đại ý là anh em thân thiết không có khoảng cách ví như miếng thịt, mà vợ là con dao sắc, cắt đứt được máu thịt; anh em hòa hợp gần bó như nổi canh, còn vợ như gia vị chua hay mặn nêm vào.

Vậy, các nàng nữ nhi tài đức thời xưa đối xử với chị em dâu như thế nào? Có một câu đối như thế này trong từ đường của họ Thôi ở Hà Nam, Trung Quốc ngày nay: “Tô thiếu đề năng hòa trục lý; Đường phu nhân thiện sự cô chương.” Về dưới của câu đối nói về Đường phu nhân, bà nội của Thôi Nguyên sống vào thời Đường, đã hết lòng hiếu thảo với mẹ chồng, mỗi sáng đều lấy sữa của mình cho bà uống. Về trên của câu đối nói về câu chuyện của một người con gái là em dâu nhỏ họ Tô sống vào thời nhà Tống, đã cảm hóa được các chị dâu của mình.

Em dâu nhỏ họ Tô vốn mang họ Thôi, kết hôn với con trai út của nhà họ Tô, vậy nên được gọi là Tô thiếu đề. Nhà họ Tô gia cảnh không tệ, có năm anh em trai, bốn anh trai lớn đều đã có vợ. Các chị em dâu có mâu thuẫn là điều khó tránh khỏi; nò tỳ của họ còn thường xuyên truyền tai nhau những lời lẽ khiếm nhã nghe được từ người khác, dẫn đến các chị em dâu hàng ngày cãi vã, thậm chí trong lúc cãi vã còn xảy ra xô xát.

Đương nhiên, nhà họ Thôi cũng đã nghe nói về việc con dâu nhà họ Tô bất hòa. Trước khi Tô thiếu đề xuất giá, gia đình và họ hàng đều lo lắng, nhưng Tô thiếu đề lại nói: “Nếu là gỗ, đá, chim thú, con có lẽ không thể giao tiếp, nhưng trên đời này nào có người không thể giao tiếp được?” Có lẽ Tô thiếu đề cho rằng, chỉ cần nàng thật lòng, thì nhất định có thể cùng họ chung sống hòa thuận.

Vì vậy, sau khi Tô thiếu đề được gả sang đó, nàng ấy đối xử với bốn chị dâu rất cung kính và lễ phép. Nếu các chị dâu thiếu thứ gì, Tô thiếu đề liền nói “bản thân có,” đồng thời cho đi, không chút keo kiệt. Nếu mẹ chồng bảo các chị dâu làm việc gì đó, các chị dâu “nhìn nhau không nhận lệnh”, chính là người nhìn ta, ta nhìn người, đều không muốn đi làm. Tô thiếu đề liền chủ động tiến lên nói với mẹ chồng: “Con là con dâu nhỏ nhất, cũng là con dâu cuối cùng gả vào nhà, việc này nên để con làm.”

Có lần, gia đình nhà mẹ ruột của nàng ấy đem đến trái cây và những món ăn ngon khác, Tô thiếu đề liền gọi các cháu trai và cháu gái đến chia phần. Sự rộng lượng và vị tha của nàng, tất nhiên các chị dâu đều nhìn thấy.

Tô thiếu đề cũng rất giữ lễ. Khi ăn cơm, nếu các chị dâu chưa động đũa, nàng sẽ không ăn trước. Khi các chị dâu phàn nàn với nàng về lỗi của người khác ở nơi riêng tư, Tô thiếu đề thường chỉ cười và không trả lời, cũng không nói lỗi của ai. Các chị dâu thấy nàng như vậy, cũng dần dần bớt so đo.

Một ngày nọ, tỳ nữ của Tô thiếu đề đem những gì nghe được từ các chị dâu khác nói với nàng, lộng bàn thị phi. Tô thiếu đề lập tức trách phạt tỳ nữ này,



Một phần bức tranh cuộn “Thanh nữ tố nga” của Trương Đình Ngạn thời nhà Thanh.

Từ xưa đến nay, dân gian đều biết “lấy vợ lấy đức không lấy sắc”. Và làm thế nào để trở thành một người vợ đức hạnh, cổ nhân đã cho chúng ta biết lời giải đáp.



▲ Người xưa rất coi trọng đức hạnh và “tu thân”, cả nam và nữ đều như thế. FOTOLIA

đồng thời nói với chị dâu rằng tỳ nữ của mình không hiểu chuyện, vậy nên đã phạt cảnh cáo.

Một lần, khi Tô thiếu đề đang bế cháu trai nhỏ, đứa bé đột nhiên đại tiện, làm bẩn bộ y phục long lẫy của nàng. Chị dâu vội vàng ấm đứa bé qua, sợ Tô thiếu đề nổi nóng, nhưng Tô thiếu đề lại nói: “Chị đừng lo lắng, nếu không sẽ làm cháu bé sợ.” Trong lời nói không hề có một chút trách móc hay phiền muộn vì y phục của mình đã bị bẩn.

Lòng người đều có sự đồng cảm, lời nói và việc làm của Tô thiếu đề dần dần cảm hóa bốn chị dâu, có thể nói là mưa dầm thấm lâu. Hôn một năm sau, bốn chị dâu nói với nhau: “Thím năm rất hiền đức, so với thím ấy, chúng ta thực sự không bằng. Chúng ta đều lớn hơn thím ấy, nhưng phẩm đức lại khác xa, làm sao có thể để thím ấy chê cười được.”

Kể từ đó, bốn chị dâu cũng khiêm tốn và kính trọng nhau giống như Tô thiếu đề. Cả nhà sống hòa thuận, không còn so đo hay phàn nàn gì nữa. Tô gia từ đó trên dưới nhất mực hòa hợp. Đức hạnh của người em dâu đã cảm hóa các chị dâu, khiến cả nhà càng thêm thân thiện và hòa ái. Chẳng trách khi Lữ Phạm nhận xét về phẩm đức của Tô thiếu đề, ông đã nói rằng “Tam tranh tam nhượng, thiên hạ vô tham nhân hĩ; tam nộ tam tiểu, thiên hạ vô hung nhân hĩ” (ba lần tranh ba lần nhường, thiên hạ không có kẻ tham; ba lần giận ba lần cười, thiên hạ không có kẻ sát nhân).

Chương Thị không bỏ rơi con nuôi
Trong “Khuê Phạm” còn có một chuyện thế này: ở Chương Hóa, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc, có hai huynh đệ họ Chương, lấy vợ đã mấy năm đều chưa có con. Thế là, người anh liền nhận con trai của họ hàng làm con nuôi, để nối dõi tông đường, và đặt tên là Chương Hủ. Không ngờ chẳng bao lâu sau, vợ của Chương huynh là Chương Thị có thai, một năm sau thì sinh ra một bé trai, đặt tên là Chương Hu.

Chương đệ thấy anh có hai con trai,

liền nói với anh: “Đại ca đã có con trai ruột, có thể nhường đứa con nuôi cho đệ được không?”. Chương huynh quay sang bàn bạc với vợ. Người vợ tỏ vẻ phản đối, nói rằng: “Lúc chưa có con thì nhận nuôi nó, có con rồi thì vứt bỏ nó, người khác sẽ nghĩ gì về chúng ta?”

Chương huynh đem những gì vợ nói kể lại với em trai, nhưng Chương đệ vẫn không chịu từ bỏ, liên tục thỉnh cầu chị dâu suy xét thêm. Chương Thị cảm động trước thành ý của em chồng, liền nói với chồng: “Nếu quả thực bất đắc dĩ, thiếp thà giao con ruột của mình cho đệ ấy còn hơn.”

Chương đệ nghe xong, không dám chấp nhận ý này, nhưng cuối cùng Chương Thị vẫn đem con ruột của mình qua cho Chương đệ.

Về sau, cả Chương Hủ và Chương Hu đều lớn lên khỏe mạnh. Con trai của Chương Hủ là Tiểu Tiêu, con trai của Chương Hu là Chú Giám, cả hai đều lần lượt đỗ đạt làm quan. Chương gia dần trở thành danh môn vọng tộc. Phúc báo này chẳng phải là nhờ Chương thị hiền đức mà có được hay sao?

Hà Thị quan tâm đến em chồng

Trong “Khuê Phạm” cũng ghi lại câu chuyện về Hà Thị đáng kính sống vào thời nhà Tống. Hà Thị là vợ của Vương Mộc Thúc, sống ở huyện Vinh Gia, tỉnh Chiết Giang. Khi nàng mới được gả cho Vương Mộc Thúc, nhà họ Vương rất nghèo khó. Hà Thị cần kiệm quản lý gia đình, cộng thêm chồng đỗ đạt bước vào quan lộ, cuộc sống dần dần khá giả.

Một hôm, Hà Thị nói với chồng rằng: “Chàng bây giờ sắp ra làm quan rồi, nhưng cuộc sống của em trai và em gái còn rất khó khăn. Chúng ta có thể đem số tiền dư trong nhà cho họ, để cuộc sống của họ cũng tốt hơn một chút.” Sau khi nghe điều này, Vương Mộc Thúc rất vui mừng: “Đây chính là điều ta muốn làm.” Ngay trong hôm đó, Hà Thị đã đem số tiền dư trong nhà chia cho các em, thậm chí ngay cả chiếc khuyên tai cũng không giữ lại.

Đội đến khi Vương Mộc Thúc làm quan, Hà Thị lại nói với chồng rằng: “Gia đình em trai và em gái vẫn đang gặp khó khăn, chúng ta có vài mẫu ruộng trong tay, tại sao chúng ta không cho họ? Vương Mộc Thúc vui mừng khôn xiết: “Đây chính là điều ta muốn làm.” Thế là Hà Thị đem ruộng tặng cho các em. Người trong huyện sau khi nghe chuyện, đều gọi cô là “hiên phụ” (nàng dâu đức hạnh).

Từ xưa đến nay, dân gian đều biết “lấy vợ lấy đức không lấy sắc”. Và làm thế nào để trở thành một người vợ đức hạnh, cổ nhân đã cho chúng ta biết lời giải đáp ở trên.

Tài liệu tham khảo: “Khuê Phạm”
Vương Du Duyệt biên tập
Xuân Hoàng biên dịch

